

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY LẮP TRITACO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY LẮP TRITACO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRITACO TRADING AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TRITACO TRADING AND CONSTRUCTION CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108951963

**3. Ngày thành lập:** 18/10/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 16, Tòa nhà Văn phòng Nam Cường, Km4, đường Lê Văn Lương kéo dài, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                            | 4221        |
| 2.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                 | 4222        |
| 3.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                  | 4223        |
| 4.  | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: Xây dựng nhà máy năng lượng                                                          | 4229(Chính) |
| 5.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                            | 4291        |
| 6.  | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                     | 4292        |
| 7.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                               | 4293        |
| 8.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời | 4299        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                               | 4321        |
| 10. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);                 | 5510        |
| 11. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                            | 5621        |
| 12. | Quảng cáo<br>(Không bao gồm quảng cáo thuốc lá);                                                                                    | 7310        |
| 13. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                    | 5610        |
| 14. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ các hoạt động Nhà nước cấm)                                         | 9329        |
| 15. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(Trừ các hoạt động Nhà nước cấm)                                                      | 9000        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                | 4610 |
| 17. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận chuyển thiết bị, vật tư, hàng hóa, phương tiện máy móc thi công bằng phương tiện cơ giới đường bộ, đường thủy;                                                                                                                                                                          | 4933 |
| 18. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị ngành công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                 | 4659 |
| 19. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế hệ thống điều khiển nhiệt điện đối với công trình công nghiệp.<br>- Thiết kế hệ thống dây chuyền công nghệ chế tạo máy và lắp máy phục vụ ngành lắp máy;<br>- Thiết kế kết cấu: Đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp phục vụ ngành lắp máy; | 7110 |
| 20. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                                                               | 7410 |
| 21. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Thí nghiệm, hiệu chỉnh hệ thống điện, điều khiển tự động, kiểm tra mỗi hàn kim loại;                                                                                                                                                               | 7490 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Kinh doanh xuất, nhập khẩu vật tư thiết bị, các dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng;                                                                                                                                                           | 8299 |
| 23. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>Chi tiết:<br>- Làm sạch và sơn phủ bề mặt kim loại;<br>- Gia công chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực (bình, bể, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn.                                                            | 2592 |
| 24. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy                                                                                                                                                                                                                                                      | 4329 |
| 25. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất vật liệu xây dựng;<br>- Sản xuất vật tư, đất đèn, que hàn, ô xy;<br>- Sản xuất phụ tùng, cấu kiện kim loại cho xây dựng;                                                                                                                                                | 3290 |

